TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 179/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 5 - 2018
V/v tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG.

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Văn Chiến -** Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân

2. Bà **Lý Thị Ngọc Điệp**

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Ông **Phạm Minh Cảnh -** Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên Tòa***: ông **Lê Hữu Đức** – Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 304/2017/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐ.XXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị B,** sinh năm 1984

Nơi cư trú: Tổ 7, ấp Bình T 1, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

*Luật sư: Quách Thanh Phong – Văn phòng Luật sư Quách Phong – Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị B.

2. *Bị đơn*: Anh **Phạm Văn Bé L**, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Tổ 7, ấp Phú Q, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải chị Lê Thị B trình bày: Chị và anh L tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống năm 2005, không có đăng

ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc dần dần phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, anh L không lo cho gia đình, nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với anh L.

- Anh Phạm Văn Bé L trình bày: Về thời gian chung sống anh thống nhất như chị B trình bày, theo anh nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, cũng do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp. Nay anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ muốn hàn gắn đoàn tụ chung sống trở lại.

+ Về con chung: Anh, chị thống nhất có 1 con chung tên Phạm Thị Như Ý, sinh ngày 06/5/2007 đang sống với chị B. Khi ly hôn anh L đồng ý chị B được tiếp tục nuôi con, anh không cấo dưỡng nuôi con, nếu chị B không nuôi thì anh nuôi.

+ Về tài sản chung: Chị Lê Thị B và anh Phạm Văn Bé L thống nhất theo giá Hội đồng định giá các tài sản chung như sau:

++ Diện tích đất nông nghiệp 2.802m^2 có giá 39.000 đồng/m^2 = 109.278.000đ(1)

++Trên đất hiện đang trồng nếp 20 ngày tuổi. Có giá trị thực tế 1.500.000 đồng(2)

++ 03 cây còng, (trong đó 02 cây có gốc hoành 1,15m; 01 cây 1,35m), thuộc loại B; có giá 175.000 đồng/cây x 3 cây = 525.000đ(3).

++ Một cây me chua có gốc hoành 1m, thuộc loại A; có giá 2.000.000 đồng(4).

++ Một bụi chuối 06 cây, thuộc loại A; có giá 53.000đồng/cây x 6 cây = 318.000đ(5).

++ 46 cây dừa 02 năm tuổi, thuộc loại C; có giá 175.000 đồng/cây x 46 cây = 8.050.000đ(6)

** Nhà ở và vật kiến trúc:*

- Nhà ở tạm:

Kết cấu: Nống trụ đá + gỗ tạp, đà sàn gỗ tạp, khung cột kèo đòn tay gỗ tạp, vách tole, mái tole, hiện trạng thực tế giá trị còn lại 30%, có tổng diện tích sàn sử dụng 45,37m^2, có giá 1.224.000đ/m^2 =16.615.000 đồng(7)

- Trại tạm:

Kết cấu: Nền đất, khung cột kèo đòn tay gỗ tạp, không vách mái tole, hiện trạng xuống cấp, diện tích ngang 4m x dài 2,5m, không còn giá trị sử dụng. Bên cạnh trại tạm có 10 trụ đá *(chiều cao trung bình mỗi trụ khoảng 1 mét)*, giá trị trụ đá 15.000đ/trụ = 150.000 đồng(8).

Tổng giá trị tài sản là (1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6) + (7) + (8) = 136.436.000đ

Khi ly hôn chị B yêu cầu giao toàn bộ tài sản chung cho anh L được sử dụng và sở hữu, anh L phải thối cho chị 100.000.000đ.

Anh L đồng ý nhận toàn bộ tài sản chung và đồng ý thối lại cho chị B theo gia mà hội đồng định giá đã định.

+ Về nợ phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hôn nhân của chị B và anh L được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện chung sống, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh, chị không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, kinh tế khó khăn, anh L thiếu quan tâm gia đình và đã ly thân, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị B về xin ly hôn là có căn cứ, đề nghị hội đồng xét xử xem xét.

+ Về con chung: Tại phiên tòa anh L đồng ý để chị B tiếp tục nuôi con chung và anh không cấp dưỡng, hiện tại cháu Phạm Thị Như Ý, sinh ngày 06/5/2007 đang sống với chị B, nguyện vọng của cháu sống với mẹ và cháu đang đi học ổn định chỗ ở, nên yêu cầu nuôi con chung của chị B là có căn cứ phù hợp nguyện vọng của cháu Ý, đề nghị HĐXX chấp nhận.

+ Về tài sản chung đã được thẩm định và định giá, hai bên đều thống nhất không có tranh chấp, chị B không có nhu cầu sử dụng tài sản mà yêu cầu nhận bằng tiền vì vậy yêu cầu này cũng phù hợp thực tế, tại phiên tòa anh L đồng ý thối lại cho chị B 100.000.000đ phù hợp yêu cầu của chị B đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn Bé L đăng ký hộ khẩu thường trú tại: tổ 07, ấp Phú Q, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang, tài sản chung các bên tranh chấp cũng thuộc xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang, chị B khởi kiện xin ly hôn và có tranh chấp tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, c, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung: Anh, chị chung sống từ năm 2005, nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong cuộc sống thường xuyên cãi vả, tình cảm rạng nứt mâu thuẩn vợ chồng trở nên trầm trọng và ly thân từ năm 2013 cho đến nay, sau khi ly thân anh, chị không hàn gắn, chị B yêu cầu ly hôn, anh L không đồng ý, nhưng không tạo điều kiện để đoàn tụ, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Để chấm dứt hôn nhân của anh, chị hội đồng xét xử không công nhận anh chị là vợ chồng theo Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.1] Về quan hệ con chung: Anh, chị thống nhất có 1 cháu là Phạm Thị Như Ý, sinh ngày 06/5/2007 đang sống với chị B, nguyện vọng của cháu sống với mẹ và cháu đang đi học ổn định chỗ ở. Hội đồng xét xử xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.Tại phiên tòa, chị B không yêu cầu cấp dưỡng, anh L đồng ý để chị B nuôi con, anh không phải cấp dưỡng, nên HĐXX ghi nhận

[2.2]Về tài sản chung: Anh, chị thống nhất các tài sản đã có và được định giá, tại phiên tòa anh L xác định tài sản chung là diện tích đất có giá 90.000.000đ/1.296m^2, chị B không có nhu cầu sử dụng tài sản đồng ý giao cho anh L sử dụng và sở hữu, chị nhận bằng tiền mặt do anh L thối lại là 100.000.000đ, anh L cũng đồng vì vậy hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh L, chị B phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc 1.196.800đ và chi phí thẩm định định giá là 2.000.000đ do chị B đã nộp, do tài sản được phân chia nên mỗi người phải chịu ½ số tiền này, nên anh L phải hoàn trả cho chị B là 1.598.000đ

[4] Về án phí: Chị B là người xin ly hôn phải chịu án phí ly hôn, anh chị được Tòa án phân chia tài sản nên mỗi người phải chịu án phí tài sản được phân chia

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 28, điểm a, c, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị B đối với anh Phạm Văn Bé L.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị B và anh Phạm Văn Bé L là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: chị Lê Thị B tiếp tục được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Phạm Thị Như Ý, sinh ngày 06/5/2007 đến thành niên hoặc tự lập được. Anh L không phải cấp dưỡng cho con.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh L được sử dụng và sở hữu tài sản gồm:

+ Diện tích đất nông nghiệp 2.802m^2, tại thửa số 1355, tờ bản đồ số 4, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01919 cấp ngày 15/10/2013 do anh L chị B cùng đứng tên, anh Phạm Văn Bé L phải đến cơ quan có thẩm quyền kê khai lại diện tích đất này.

+ 03 cây còng, (trong đó 02 cây có gốc hoành 1,15m; 01 cây 1,35m);

+ Một cây me chua có gốc hoành 1m.

+ Một bụi chuối 06 cây,

+ 46 cây dừa 02 năm tuổi,

+ Nhà ở tạm: kết cấu nống trụ đá + gỗ tạp, đà sàn gỗ tạp, khung cột kèo đòn tay gỗ tạp, vách tole, mái tole, hiện trạng thực tế giá trị còn lại 30%, có tổng diện tích sàn sử dụng 45,37m^2,

+ Trại tạm: kết cấu nền đất, khung cột kèo đòn tay gỗ tạp, không vách mái tole, hiện trạng xuống cấp, diện tích ngang 4m x dài 2,5m, không còn giá trị sử dụng.

+ Bên cạnh trại tạm có 10 trụ đá *(chiều cao trung bình mỗi trụ khoảng 1 mét).*

- Anh L phải thối lại giá trị tài sản chung cho chị B là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và chi phí tố tụng là 1.598.000đ

- Về nợ chung phải thu, phải trả: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình và án phí chia tài sản 2.500.000đ, tổng cộng 2.800.000đ được khấu trừ 2.800.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016240 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, anh Lợi phải chịu án phí chia tài sản 2.5000.000đ.

Kể từ ngày chị B có đơn yêu cầu thi hành án mà anh L không thi hành dứt điểm số tiền trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.
- Lưu TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Văn Chiến